

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2013

## BÁO CÁO

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2012

V/v Kết quả hoạt động Công ty năm 2012

#### I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012 là một năm đặc biệt khó khăn đòi hỏi sự cố gắng và nỗ lực vượt bậc từ đại bộ phận nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành tài chính nói riêng.

Giá trị giao dịch chứng khoán bình quân hàng ngày toàn thị trường năm 2012 đạt mức 1.300 tỷ đồng, tăng 30% so với số liệu trung bình năm 2011 là 1.000 tỷ đồng và thấp hơn 7% so với giả thiết HSC đưa ra từ đầu năm 2012 là mức 1.400 tỷ đồng/ngày.

Năm 2012 đã chứng minh được thành quả tài chính của HSC là một trong số ít công ty chứng khoán có lợi nhuận và đã đạt một mức lợi nhuận đáng kể. Lợi nhuận ròng sau thuế của HSC đạt 246 tỷ đồng, tăng 27% so với năm 2011, tương ứng với EPS đạt mức 2.474 đồng trên một cổ phiếu là mức cao nhất so với các công ty chứng khoán niêm yết khác. Giá cổ phiếu HCM tăng 54% trong năm và dừng lại ở 21.600 đồng ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Về thị phần môi giới, HSC vượt lên đến vị trí số 1 trên cả 2 sàn HOSE và sàn HNX trong cả năm 2012. Thị phần môi giới tại HSC trong năm 2012 tăng trưởng khả quan ở mức 42% so với năm 2011 tính chung cho cả hai khối khách hàng tổ chức và khách hàng cá nhân.

Các tiêu chí về thị phần của HSC được trình bày chi tiết theo bảng dưới đây:

| Thị phần môi giới HSC                                       | Năm 2012     | Xếp hạng 2012 | Năm 2011    | Xếp hạng 2011 | Tăng trưởng |
|-------------------------------------------------------------|--------------|---------------|-------------|---------------|-------------|
| <b>Thống kê theo sàn giao dịch</b>                          |              |               |             |               |             |
| HOSE                                                        | 11,8%        | 1             | 8,2%        | 2             | 45%         |
| HNX                                                         | 8,4%         | 1             | 6,4%        | 3             | 32%         |
| <b>HOSE + HNX</b>                                           | <b>10,2%</b> | <b>1</b>      | <b>7,2%</b> | <b>2</b>      | <b>42%</b>  |
| <b>Thống kê theo nhóm khách hàng</b>                        |              |               |             |               |             |
| Khách hàng tổ chức                                          | 3,2%         | N/A           | 2,6%        | 2             | 22%         |
| Khách hàng cá nhân                                          | 7,1%         | 1             | 4,6%        | N/A           | 54%         |
| <b>Toàn HSC</b>                                             | <b>10,2%</b> | <b>1</b>      | <b>7,2%</b> | <b>2</b>      | <b>42%</b>  |
| <b>Thị phần tổ chức nước ngoài trên thị trường Việt Nam</b> |              |               |             |               |             |
| Thị phần nước ngoài tại HSC                                 | 24,6%        | N/A           | 17,6%       | 2             | 40%         |

Do thông tin về thứ hạng của HSC không được xác định cụ thể nhưng với thị phần là 24,6% thì vị trí của HSC trong mảng môi giới khách hàng tổ chức chỉ từ vị trí thứ 2 trở lên trên toàn thị trường.

Để có thể so sánh rõ hơn mức biến động của doanh thu và chi phí, trong đó có các chi phí hoạt động kinh doanh phát sinh theo biến động của doanh thu, các số liệu về doanh thu và chi phí được trình bày theo cung cách tài chính quản trị nên sẽ được gọi là **doanh thu thuần và chi phí hoạt động** trong suốt tài liệu này. Kết quả hoạt động kinh doanh cuối cùng là lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế không khác biệt khi được so sánh giữa số liệu trong báo cáo tài chính đã kiểm toán và trong tài liệu này.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu khác được trình bày tóm tắt như sau:

| CHỈ TIÊU                                                           | Năm 2012       | Năm 2011       | %<br>Tăng /<br>Giảm | Kế hoạch<br>2012 | % so<br>với kế<br>hoạch<br>2012 |
|--------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|---------------------|------------------|---------------------------------|
| <b>Kết quả hoạt động kinh doanh (Đơn vị: Triệu đồng)</b>           |                |                |                     |                  |                                 |
| Doanh thu theo báo cáo tài chính                                   | 562.372        | 480.491        | 17%                 | 496.578          | 113%                            |
| <b>Doanh thu thuần</b>                                             | <b>472.898</b> | <b>397.041</b> | <b>19%</b>          | <b>456.031</b>   | <b>104%</b>                     |
| Chi phí hoạt động theo báo cáo tài chính                           | 255.685        | 242.972        | 5%                  | 208.364          | 123%                            |
| <b>Chi phí hoạt động</b>                                           | <b>166.054</b> | <b>160.163</b> | <b>4%</b>           | <b>167.817</b>   | <b>99%</b>                      |
| Lợi nhuận khác theo báo cáo tài chính                              | 158            | (630)          | -125%               | -                |                                 |
| Lợi nhuận trước thuế                                               | 306.844        | 236.889        | 30%                 | 288.214          | 106%                            |
| Lợi nhuận sau thuế                                                 | 246.381        | 194.420        | 27%                 | 230.571          | 107%                            |
| <b>Bảng cân đối kế toán vào ngày cuối năm (Đơn vị: Triệu đồng)</b> |                |                |                     |                  |                                 |
| Tổng tài sản                                                       | 3.198.935      | 2.628.208      | 22%                 | 2.458.500        | 130%                            |
| Vốn chủ sở hữu                                                     | 2.162.514      | 2.028.968      | 7%                  | 2.144.253        | 101%                            |
| <b>Các chỉ tiêu tài chính</b>                                      |                |                |                     |                  |                                 |
| Thu nhập trên tài sản trung bình (ROAA)                            | 8,5%           | 7,5%           | 12%                 | 9,1%             | 93%                             |
| Thu nhập trên vốn cổ phần trung bình (ROAE)                        | 11,8%          | 10,7%          | 9%                  | 11,1%            | 106%                            |
| <b>Chỉ tiêu cho 1 đơn vị cổ phiếu</b>                              |                |                |                     |                  |                                 |
| Số lượng cổ phiếu phát hành                                        | 100.848.637    | 99.848.637     | 1%                  | 100.612.824      | 100%                            |
| Số lượng cổ phiếu lưu thông                                        | 100.565.957    | 99.617.517     | 1%                  | 100.612.824      | 100%                            |
| Số lượng cổ phiếu bình quân trong năm                              | 99.600.128     | 66.584.584     | 50%                 | 100.612.824      | 99%                             |
| Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (EPS) – VNĐ                             | 2.474          | 2.920          | -15%                | 2.292            | 108%                            |
| Hệ số giá trên thu nhập của 1 cổ phiếu (P/E)                       | 8,7            | 4,8            | 82%                 | N/A              | N/A                             |
| Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu (BVPS) – VNĐ                        | 21.503         | 20.368         | 6%                  | 21.312           | 101%                            |
| Giá thị trường thời điểm cuối năm – VNĐ                            | 21.600         | 14.000         | 54%                 | N/A              | N/A                             |
| Cổ tức – VNĐ                                                       | 2.000 (*)      | 1.600          | 25%                 | N/A              | N/A                             |

(\*): Số liệu tạm tính năm 2012 và tùy thuộc vào sự chấp thuận sau cùng của Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2012.



Lợi nhuận sau thuế của năm 2012 đạt 246 tỷ đồng, tăng 27% so với cùng kỳ năm 2011 và đạt 107% kế hoạch của cả năm 2012. Tốc độ tăng của doanh thu nhanh hơn tốc độ tăng chi phí đã giúp lợi nhuận sau thuế có được sự tăng trưởng khả quan trong năm 2012.

Doanh thu thuần của năm 2012 tăng 19% so với năm 2011 và đạt 104% kế hoạch năm 2012. Mặc dù doanh thu phí (môi giới, dịch vụ và phí tư vấn) chỉ bù đắp được 70% chi phí hoạt động của HSC trong năm 2012 nhưng khả quan hơn so với chỉ số của cùng kỳ năm 2011 là 56%, phần còn lại bù đắp cho chi phí hoạt động và tạo ra lợi nhuận cho HSC được mang đến từ các hoạt động sử dụng nguồn vốn. Hoạt động sử dụng nguồn vốn chiếm 76% trong tổng doanh thu của HSC trong năm 2012, trong đó, giao dịch ký quỹ đóng góp 39% và kinh doanh nguồn vốn đóng góp 37% chủ yếu bao gồm các giao dịch tiền gửi kỳ hạn và repo trái phiếu.

Tổng chi phí hoạt động năm 2012 tăng 4% so với cùng kỳ năm 2011 và đạt 99% kế hoạch năm 2012.

## 1. DOANH THU & HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

Đơn vị: Triệu đồng

| DOANH THU THUẦN                | Tỷ trọng    | Năm 2012       | Năm 2011       | % tăng giảm | Kế hoạch 2012  | % so với kế hoạch 2012 |
|--------------------------------|-------------|----------------|----------------|-------------|----------------|------------------------|
| 1. Môi giới khách hàng cá nhân | 49%         | 232.539        | 160.292        | 45%         | 210.322        | 111%                   |
| 2. Môi giới khách hàng tổ chức | 11%         | 50.289         | 39.244         | 28%         | 56.566         | 89%                    |
| 3. Tài chính doanh nghiệp      | 2%          | 9.061          | 22.059         | -59%        | 31.000         | 29%                    |
| 4. Kinh doanh nguồn vốn        | 38%         | 181.009        | 175.447        | 3%          | 158.143        | 114%                   |
| <b>TỔNG DOANH THU THUẦN</b>    | <b>100%</b> | <b>472.898</b> | <b>397.041</b> | <b>19%</b>  | <b>456.031</b> | <b>104%</b>            |

Tổng doanh thu thuần năm 2012 tăng 19% so với năm 2011 và tăng 4% so với kế hoạch năm 2012. Chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu doanh thu thuần của năm 2012 là bộ phận môi giới khách hàng cá nhân và bộ phận kinh doanh nguồn vốn, tiếp theo là bộ phận môi giới khách hàng tổ chức và tư vấn tài chính doanh nghiệp.

Các khoản doanh thu sẽ được trình bày chi tiết theo từng bộ phận kinh doanh tại HSC trong năm như sau:

### 1.1 Khối Môi giới Khách hàng Cá nhân:

Đơn vị: Triệu đồng

| DOANH THU<br>Môi giới khách hàng cá nhân | Năm 2012       | Năm 2011       | % tăng giảm | Kế hoạch 2012  | % so với kế hoạch 2012 |
|------------------------------------------|----------------|----------------|-------------|----------------|------------------------|
| a. Phí môi giới thuần                    | 66.068         | 38.924         | 70%         | 54.030         | 122%                   |
| b. Doanh thu từ tín dụng                 | 165.208        | 120.274        | 37%         | 155.298        | 106%                   |
| - Giao dịch ký quỹ (margin)              | 161.731        | 117.006        | 38%         | 155.298        | 104%                   |
| - Sản phẩm tín dụng khác                 | 3.477          | 3.267          | 6%          | -              |                        |
| c. Thu từ các hoạt động khác             | 1.264          | 1.094          | 16%         | 995            | 127%                   |
| <b>Tổng cộng</b>                         | <b>232.539</b> | <b>160.292</b> | <b>45%</b>  | <b>210.322</b> | <b>111%</b>            |

a. *Phí môi giới thuần:*

Doanh thu phí môi giới thuần từ khối khách hàng cá nhân trong năm 2012 tăng 70% so với năm 2011 và đạt 122% kế hoạch năm 2012.

Các số liệu về nguyên nhân ảnh hưởng đến sự gia tăng phí môi giới được trình bày theo bảng dưới đây:

Đơn vị: Triệu đồng

|                                                       | Năm 2012      | Năm 2011      | % tăng giảm | Kế hoạch năm 2012 | % kế hoạch 2012 |
|-------------------------------------------------------|---------------|---------------|-------------|-------------------|-----------------|
| Tổng giá trị giao dịch toàn thị trường                | 334.007.700   | 259.171.499   | 29%         | 342.610.800       | 97%             |
| Giá trị giao dịch khối khách hàng cá nhân HSC         | 47.161.707    | 23.725.748    | 99%         | 37.995.538        | 124%            |
| Mức phí môi giới gộp trung bình (%)                   | 0,21%         | 0,23%         | -10%        | 0,21%             | 100%            |
| Doanh thu phí môi giới gộp                            | 103.057       | 57.330        | 80%         | 79.791            | 129%            |
| Hoa hồng môi giới + phí môi giới trả SGDCK            | (36.989)      | (18.410)      | 101%        | (25.761)          | 144%            |
| <b>Phí môi giới thuần</b>                             | <b>66.068</b> | <b>38.920</b> | <b>70%</b>  | <b>54.030</b>     | <b>122%</b>     |
| Thị phần khối môi giới khách hàng cá nhân của HSC (%) | 7,1%          | 4,6%          | 54%         | 5,5%              | 127%            |

Thị phần Khối Khách hàng Cá nhân có mức tăng ấn tượng từ 4,6% trong năm 2011 lên 7,1% trong năm 2012 và đang giữ vị trí dẫn đầu trên toàn thị trường.

Doanh thu phí môi giới thuần là doanh thu phí môi giới sau khi trừ đi hoa hồng trả cho nhân viên môi giới và phí môi giới chứng khoán trả cho Sở giao dịch chứng khoán. Phí môi giới thuần năm 2012 tăng lên 70% so với năm 2011 là do:

- Doanh thu phí môi giới gộp năm 2012 tăng 80% so với năm 2011 là do giá trị giao dịch của khối khách hàng cá nhân HSC trong năm 2012 tăng 99%. Đây là kết quả của việc gia tăng thị phần bán lẻ, đầu tư vào con người và công nghệ;
- Mức phí môi giới gộp (gross fee) trung bình giảm gần 10% từ mức 0,23% trong năm 2011 xuống 0,21% trong năm 2012 do chính sách của HSC với giá trị giao dịch của khách hàng càng cao thì phí môi giới sẽ giảm tương ứng và tối thiểu ở mức 0,15%, một số giao dịch thỏa thuận cũng được áp dụng mức phí thấp hơn;
- Hoa hồng trả cho nhân viên môi giới và phí môi giới trả cho Sở giao dịch chứng khoán có mức tăng 101%, cao hơn mức tăng phí môi giới gộp là do phương án thu phí càng nhiều thì hoa hồng môi giới càng cao.

b. *Doanh thu từ tín dụng:*

Doanh thu tín dụng trong năm 2012 có mức tăng 37% so với năm 2011 và đạt 106% kế hoạch 2012.

Doanh thu tín dụng chủ yếu đến từ hoạt động giao dịch ký quỹ (margin), số dư margin bình quân và lãi suất margin trung bình trong năm được thể hiện qua bảng sau:



Đơn vị: Triệu đồng

|                                             | Năm 2012       | Năm 2011       | % tăng giảm | Kế hoạch 2012  | % kế hoạch 2012 |
|---------------------------------------------|----------------|----------------|-------------|----------------|-----------------|
| Số dư margin trung bình của HSC             | 835.523        | 563.128        | 48%         | 1.000.000      | 84%             |
| Trong đó:<br><b>Khối khách hàng cá nhân</b> | <b>781.688</b> | <b>514.427</b> | <b>52%</b>  | <b>913.516</b> | <b>86%</b>      |
| Lãi suất cho vay trung bình (%)             | 20,7%          | 22,7%          | -9%         | 17,0%          | 122%            |
| Doanh thu margin khối khách hàng cá nhân    | 161.731        | 117.006        | 38%         | 155.298        | 104%            |

Doanh thu margin tăng 38% so với năm 2011 là do:

- Giá trị giao dịch khối khách hàng cá nhân tại HSC năm 2012 tăng 99% so với năm 2011 và khả năng cung ứng vốn cho khách hàng là nguyên nhân chính yếu cho việc gia tăng sử dụng margin từ khách hàng cá nhân. Số dư margin trung bình tăng 52% so với năm 2011;
- Lãi suất margin trung bình năm 2012 giảm đi 9% so với năm 2011.

So sánh với kế hoạch năm 2012, do dự đoán lãi suất margin chỉ là 17% / năm lãi suất margin thực tế năm 2012 là 20,7% / năm nên mặc dù số dư trung bình margin thực tế năm 2012 của bộ phận khách hàng cá nhân không đạt được như kế hoạch nhưng doanh thu margin vẫn đạt hơn 104% kế hoạch cả năm 2012.

Từ cuối năm 2011, HSC đã chủ động tiếp cận với Ban Lãnh đạo một số công ty chứng khoán muốn dừng nghiệp vụ môi giới cho khách hàng cá nhân để tìm kiếm cơ hội hợp tác. Vào tháng 06 năm 2012, HSC đã tiếp nhận toàn bộ nhà đầu tư cá nhân của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Chợ Lớn để thành lập nên Phòng Giao dịch Chợ Lớn của HSC. Sau 6 tháng đi vào hoạt động, Phòng Giao dịch Chợ Lớn đã nhanh chóng tăng tốc và đạt được thị phần bình quân 0,6% toàn thị trường, gần gấp đôi thị phần bình quân 5 tháng đầu năm 2012 của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Chợ Lớn trước khi chuyển giao cho HSC. Quý I năm 2013, Phòng Giao dịch Chợ Lớn tiếp tục phát huy năng lực khi đạt thị phần bình quân gần 0,9% tương đương với một số phòng giao dịch khác của HSC.

Trong năm 2012, Bộ phận phân tích Khối Khách hàng Cá nhân đã thật sự chú trọng đến nhu cầu chuyên nghiệp hơn của khách hàng, không ngừng hoàn thiện các báo cáo phân tích và phát triển công cụ, phương tiện cung cấp nhanh thông tin đến cho khách hàng hằng ngày, đặc biệt khi có những sự kiện, diễn biến bất thường làm ảnh hưởng đến xu hướng chung của thị trường. Sự hỗ trợ này giúp cho nhà đầu tư chủ động hơn trong các quyết định mua/bán của mình. Bộ phận Phân tích Khối Cá nhân cũng đã xây dựng và duy trì mối quan hệ hợp tác tốt với các doanh nghiệp để thường xuyên cập nhật thông tin về hoạt động kinh doanh, trở thành cầu nối thông tin giữa các doanh nghiệp và nhà đầu tư.

Từ giữa năm 2012, bộ phận Môi giới Khách hàng Cá nhân đã thành lập bộ phận Đào tạo chuyên trách kiểm tra/khảo sát nhu cầu đào tạo nghiệp vụ của nhân viên, xây dựng chương trình đào tạo, huấn luyện cho các nhân viên Môi giới cả hai miền Nam – Bắc về nghiệp vụ cũng như cập nhật các chính sách của pháp lý nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên Môi giới và đảm bảo tính tuân thủ đối với các quy định pháp luật.



## 1.2 Khối Môi giới Khách hàng Tổ chức

Đơn vị: Triệu đồng

| DOANH THU<br>Môi giới khách hàng tổ chức | Năm 2012      | Năm 2011      | % tăng<br>giảm | Kế hoạch<br>2012 | % so với<br>kế hoạch<br>2012 |
|------------------------------------------|---------------|---------------|----------------|------------------|------------------------------|
| a. Phí môi giới thuần                    | 31.700        | 21.725        | 46%            | 41.418           | 77%                          |
| b. Doanh thu từ tín dụng                 | 12.207        | 11.207        | 9%             | 14.702           | 83%                          |
| - Giao dịch ký quỹ (margin)              | 11.139        | 11.077        | 1%             | 14.702           | 76%                          |
| - Sản phẩm tín dụng khác                 | 1.069         | 130           | 723%           | -                |                              |
| c. Thu từ các hoạt động khác             | 6.382         | 6.312         | 1%             | 446              | 1.433%                       |
| <b>Tổng cộng</b>                         | <b>50.289</b> | <b>39.244</b> | <b>28%</b>     | <b>56.566</b>    | <b>89%</b>                   |

Doanh thu khối môi giới khách hàng tổ chức tăng 28% so với năm 2011 và đạt 89% kế hoạch năm 2012.

### a. Phí môi giới thuần:

Doanh thu phí môi giới thuần của khối khách hàng tổ chức trong năm 2012 tăng 46% so với năm 2011 và đạt 77% kế hoạch năm 2012, nguyên nhân chủ yếu được thể hiện theo bảng dưới đây:

Đơn vị: Triệu đồng

| Môi giới khách hàng tổ chức                       | Năm 2012     | Năm 2011     | % tăng<br>/ giảm | Kế hoạch<br>2012 | % kế<br>hoạch<br>2012 |
|---------------------------------------------------|--------------|--------------|------------------|------------------|-----------------------|
| Tổng giá trị giao dịch toàn thị trường            | 334.007.700  | 259.171.499  | 29%              | 342.610.800      | 97%                   |
| Giá trị giao dịch KH tổ chức tại HSC              | 21.196.590   | 13.594.172   | 56%              | 23.982.756       | 88%                   |
| <b>Thị phần khối KH tổ chức của HSC (%)</b>       | <b>3,2%</b>  | <b>2,6%</b>  | <b>21%</b>       | <b>3,5%</b>      | <b>91%</b>            |
| Giá trị giao dịch KH nước ngoài toàn thị trường   | 66.849.809   | 62.423.972   | 7%               | 87.318.000       | 77%                   |
| Giá trị giao dịch KH nước ngoài tại HSC           | 16.437.751   | 10.982.223   | 50%              | 23.982.756       | 69%                   |
| <b>Thị phần KH nước ngoài của HSC (%)</b>         | <b>24,6%</b> | <b>17,6%</b> | <b>39,8%</b>     | <b>27,5%</b>     | <b>89,5%</b>          |
| % GTGD của Nước ngoài toàn TT / Tổng GTGD toàn TT | 10,0%        | 12,0%        | -17%             | 12,7%            | 79%                   |

Trong năm 2012 thị phần môi giới khách hàng nước ngoài của HSC trên tổng giá trị giao dịch khách hàng nước ngoài toàn thị trường có mức tăng trưởng tốt, đạt 24,6% thị phần, tăng 40% so với năm 2011 là 17,6%. Đây là nguyên nhân chính của việc tăng doanh thu phí môi giới mảng khách hàng tổ chức.

Do dự đoán về giá trị giao dịch khách hàng nước ngoài trên tổng giá trị giao dịch toàn thị trường trong năm 2012 là 12,7%, tương đương với tỷ lệ thị phần khách hàng tổ chức tại HSC trên toàn thị trường là 3,5% nhưng thực tế độ lớn của giá trị giao dịch khách hàng nước ngoài trên tổng giá trị giao dịch nước ngoài chỉ là 10%. Vì vậy, mặc dù thị phần khách hàng tổ chức HSC thực hiện được 3,2% nhưng doanh thu phí thuần cũng chỉ hoàn thành được 77% kế hoạch ban đầu đề ra.



*b. Doanh thu từ tín dụng:*

Doanh thu từ tín dụng bao gồm doanh thu lãi từ giao dịch ký quỹ (margin) và doanh thu từ các sản phẩm tín dụng khác. Doanh thu từ tín dụng trong năm 2012 tăng 9% so với năm 2011 và đạt 83% so với kế hoạch năm 2012 chủ yếu là do sự gia tăng việc sử dụng margin cho các giao dịch thu gom và mua cổ phiếu quỹ của khách hàng tổ chức trong nước.

*c. Thu từ các hoạt động khác:*

Thu từ các hoạt động khác của khối môi giới khách hàng tổ chức liên quan đến dịch vụ tư vấn và cung cấp dữ liệu phân tích cho khách hàng.

Khối khách hàng tổ chức tiếp tục đóng góp sự tăng trưởng vững chắc trong mảng môi giới khách hàng tổ chức trong nước và nước ngoài, dựa trên năng lực nghiên cứu phân tích đã được công nhận và nguồn lực tài chính vững mạnh cho phép HSC tiến dần đến việc hỗ trợ thanh khoản cho các khách hàng tổ chức.

Đối với các nhà đầu tư tổ chức, HSC đã triển khai một hệ thống phục vụ chuyên biệt, đi đến trực tiếp văn phòng của các quỹ đầu tư trên thế giới thông qua việc kết nối với các hệ thống giao dịch quốc tế lớn. Các nhà đầu tư tổ chức sẽ có tiện ích và lợi thế giao dịch trực tiếp qua các công cụ hệ thống giao dịch của chính họ như Bloomberg, Reuters và các giao dịch sẽ được kết nối và xử lý trực tiếp qua hệ thống DMA của các sàn HOSE và HNX.

### 1.3 Khối Tài Chính Doanh Nghiệp

*Đơn vị: Triệu đồng*

| <b>DOANH THU<br/>Tài Chính Doanh Nghiệp</b> | <b>Năm 2012</b> | <b>Năm 2011</b> | <b>% tăng<br/>giảm</b> | <b>Kế hoạch<br/>2012</b> | <b>% so với<br/>kế hoạch<br/>2012</b> |
|---------------------------------------------|-----------------|-----------------|------------------------|--------------------------|---------------------------------------|
| <b>a. Phí tư vấn thuần</b>                  | <b>9.061</b>    | <b>22.935</b>   | <b>-60%</b>            | <b>16.000</b>            | <b>57%</b>                            |
| <b>b. Hoạt động sử dụng vốn</b>             | <b>-</b>        | <b>(876)</b>    | <b>-100%</b>           | <b>15.000</b>            | <b>0%</b>                             |
| <b>Tổng cộng</b>                            | <b>9.061</b>    | <b>22.059</b>   | <b>-59%</b>            | <b>31.000</b>            | <b>29%</b>                            |

Doanh thu phí tư vấn thuần trong năm 2012 đạt mức 9 tỷ đồng chủ yếu là phí tư vấn giới thiệu nhà đầu tư để mua cổ phần của công ty Domesco (DMC-HOSE) và tư vấn các thủ tục pháp lý liên quan. Bộ phận Tư Vấn Tài Chính Doanh Nghiệp không sử dụng vốn trong năm 2012.

Doanh thu tư vấn tài chính doanh nghiệp trong năm 2012 giảm đi so với năm 2011 chủ yếu là do ảnh hưởng của khó khăn chung của nền kinh tế trong năm 2012:

- Hoạt động niêm yết cũng như IPO trong năm 2012 không được thuận lợi và sẽ còn mất một thời gian nữa để hồi phục, mặc dù Chính phủ cũng đã có những nỗ lực nhằm đơn giản hóa các thủ tục IPO cho các doanh nghiệp. Thị trường niêm yết đang bị định giá thấp nên nếu dựa vào đó để làm cơ sở cho việc định giá cổ phần hóa thì cổ phiếu của các doanh nghiệp nhà nước sẽ được bán với giá thấp. Điều này ảnh hưởng đến việc tái triển khai các đợt IPO lớn ra thị trường trong năm vừa qua.
- Hoạt động M&A trong năm 2012 cũng có được một số các thỏa thuận lớn được thực hiện bởi các đối tác nước ngoài. Các nhà đầu tư chiến lược cũng đã tích cực trong việc tìm kiếm cơ hội đầu tư tại Việt Nam, tuy nhiên tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn, việc đánh giá đúng giá trị và rủi ro của các doanh nghiệp mất nhiều thời gian, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các thỏa thuận giữa các bên.



#### 1.4 Khối Kinh Doanh Nguồn Vốn

Năm 2011, trong điều kiện thị trường chứng khoán có nhiều biến động và mặt bằng lãi suất cao, HSC đã thực hiện chiến lược đầu tư rất thận trọng bằng cách duy trì tài sản dưới dạng tiền gửi để đảm bảo nguồn thu nhập an toàn.

Tuy nhiên, trong năm 2012 khi thị trường có dấu hiệu phục hồi và lãi suất sụt giảm, Ban Điều hành đã thận trọng chuyển hướng bằng cách tăng đầu tư vào cả trái phiếu và cổ phiếu, giúp tăng thêm và đa dạng hóa nguồn thu nhập.

Doanh thu thuần của bộ phận Kinh doanh nguồn vốn đạt mức 114% so với kế hoạch.

Đơn vị: Triệu đồng

| DOANH THU<br>Kinh doanh nguồn vốn  | Năm 2012       | Năm 2011       | % tăng<br>giảm | Kế hoạch<br>2012 | % so với<br>kế hoạch<br>2012 |
|------------------------------------|----------------|----------------|----------------|------------------|------------------------------|
| <b>a. Đầu tư cổ phiếu</b>          | <b>12.168</b>  | <b>(4.539)</b> | <b>368%</b>    | <b>40.616</b>    | <b>30%</b>                   |
| - Danh mục đầu tư cũ               | 1.180          | (4.539)        | 126%           | 616              | 192%                         |
| - Danh mục đầu tư mới              | 10.987         | -              |                | 40.000           | 27%                          |
| <b>b. Hoạt động ngân quỹ</b>       | <b>168.842</b> | <b>179.986</b> | <b>-6%</b>     | <b>117.527</b>   | <b>144%</b>                  |
| - Doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng | 120.524        | 145.100        | -17%           | 24.000           | 502%                         |
| - Repo trái phiếu                  | 30.109         | 31.821         | -5%            | 67.327           | 45%                          |
| - Đầu tư trái phiếu                | 5.383          | 2.200          | 145%           | 2.200            | 245%                         |
| - Doanh thu khác                   | 12.826         | 865            | 1,382%         | -                |                              |
| <b>Tổng cộng</b>                   | <b>181.009</b> | <b>175.447</b> | <b>3%</b>      | <b>158.143</b>   | <b>114%</b>                  |

##### a. Đầu tư cổ phiếu:

Hoạt động tự doanh trong năm 2012 có kết quả khả quan so với năm 2011. Hoạt động đầu tư cổ phiếu bao gồm danh mục đầu tư cũ (phần lớn là những khoản đầu tư vào các cổ phiếu OTC còn lại từ năm 2007) và danh mục đầu tư mới trong năm 2012, trong đó khoản lãi có được trong năm 2012 chủ yếu đến từ hoạt động đầu tư vào danh mục cổ phiếu mới được xác định như sau:

- Doanh thu của danh mục đầu tư cũ chủ yếu từ việc nhận cổ tức với mức sinh lời khoảng 1,3%/năm. Nguồn vốn của danh mục đầu tư cũ trung bình trong năm 2012 là 92 tỷ đồng bao gồm: 73 tỷ đồng cổ phiếu OTC và 19 tỷ đồng cổ phiếu niêm yết;
- Nguồn vốn đầu tư trung bình trong năm 2012 cho danh mục cổ phiếu mới là 16,3 tỷ đồng, tạo ra 11 tỷ đồng chênh lệch giá tương đương với mức sinh lời trung bình là 67%/năm.

Tính chung cả hai danh mục đầu tư trong năm 2012, vốn đầu tư trung bình là 108 tỷ đồng và mức sinh lời trung bình là 11,2%/năm.

##### b. Hoạt động ngân quỹ:

Doanh thu từ hoạt động ngân quỹ trong năm 2012 đóng góp 36% trên tổng doanh thu thuần của HSC. So sánh với năm 2011, nguồn vốn sử dụng bình quân năm 2012 cao hơn năm 2011 nhưng lãi suất tiền gửi bình quân năm 2012 đã giảm mạnh nên tổng số tiền lãi thu được trong năm 2012 giảm đi.

Trong tổng doanh thu từ hoạt động ngân quỹ, thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng chiếm 71%, tiếp đến là lãi từ repo trái phiếu chiếm 18% và phần còn lại là từ trái tức và doanh thu khác.

- Số dư tiền gửi trung bình là 1.085 tỷ đồng với lãi suất tiền gửi bình quân kỳ hạn 1 tháng là 11,1%, so với số tiền gửi trung bình năm 2011 là 872.184 tỷ đồng với lãi suất bình quân của cả năm 2011 là mức 17%/năm.
- Hoạt động REPO trái phiếu (hợp đồng mua và cam kết bán lại trái phiếu trong tương lai gần) với số dư trung bình là 222 tỷ đồng và mức lợi suất bình quân 17,7%/năm đem về



khoản doanh thu 39 tỷ đồng trong năm 2012. Lãi từ repo trái phiếu 30.109 tỷ đồng bao gồm doanh thu từ repo trái phiếu sau khi trừ chi phí lãi của các hợp đồng REPO ngược. REPO ngược là nghiệp vụ mà HSC dùng trái phiếu mà HSC nhận REPO hoặc trái phiếu của chính HSC để đem đi REPO, số tiền nhận về được sử dụng cho các hoạt động kinh doanh nguồn vốn với lợi tức cao hơn, khoản lãi phải trả của REPO ngược như là một khoản giảm trừ doanh thu, chi tiết thể hiện trong bảng dưới đây:

*Đơn vị: Triệu đồng*

|                               | <b>Năm 2012</b> | <b>Năm 2011</b> | <b>%tăng giảm<br/>2012/2011</b> |
|-------------------------------|-----------------|-----------------|---------------------------------|
| <b>Lãi từ repo trái phiếu</b> | <b>30.109</b>   | <b>31.821</b>   | <b>-5%</b>                      |
| - Doanh thu REPO trái phiếu   | 39.280          | 31.821          | 23%                             |
| - Lãi REPO ngược              | (9.170)         | -               |                                 |

- Đầu tư trái phiếu: Thu nhập từ trái tức và lợi nhuận từ chênh lệch giá trong đầu tư trái phiếu là 5,3 tỷ đồng với vốn đầu tư trung bình năm 2012 là 52 tỷ đồng, mức sinh lời bình quân là 10,3%/năm.
- Doanh thu khác: chủ yếu liên quan đến một nghiệp vụ cho vay có đảm bảo bằng cổ phiếu lưu ký tại HSC với lãi suất trung bình là 17,5% pa trong thời hạn 3 tháng. Nghiệp vụ này đã kết thúc trong tháng 6 năm 2012.



## 2. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Đơn vị: Triệu đồng

| STT                                                         | CHI PHÍ                                                    | Năm 2012       | Năm 2011       | % tăng giảm | Kế hoạch 2012  | % so với kế hoạch 2012 |
|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------|----------------|-------------|----------------|------------------------|
| 1                                                           | Lương và các chi phí nhân sự                               | 75.738         | 72.609         | 4%          | 82.420         | 92%                    |
| 2                                                           | Chi phí tư vấn quản lý thuê ngoài                          | 10.451         | 11.639         | -10%        | 12.100         | 86%                    |
| 3                                                           | Chi phí thuê và cải tạo văn phòng                          | 23.508         | 25.783         | -9%         | 22.657         | 104%                   |
| 4                                                           | Chi phí khấu hao                                           | 12.551         | 15.606         | -20%        | 13.082         | 96%                    |
|                                                             | <i>Trong đó: chi phí liên quan đến Công nghệ thông tin</i> | 10.783         | 14.495         | -26%        | 12.146         | 89%                    |
| 5                                                           | Chi phí Công cụ và dụng cụ                                 | 574            | 1.240          | -54%        | 862            | 67%                    |
| 6                                                           | Chi phí nối mạng, đường truyền và dịch vụ thông tin        | 14.115         | 9.984          | 41%         | 11.395         | 124%                   |
| 7                                                           | Chi phí tiện ích                                           | 4.821          | 4.450          | 8%          | 4.632          | 104%                   |
| 8                                                           | Chi phí Dịch vụ thuê ngoài                                 | 9.154          | 6.782          | 35%         | 7.750          | 118%                   |
| 9                                                           | Công tác phí                                               | 2.255          | 2.212          | 2%          | 2.180          | 103%                   |
| 10                                                          | Chi phí sự kiện và quan hệ cộng đồng                       | 1.721          | 2.614          | -34%        | 2.528          | 68%                    |
| 11                                                          | Chi phí tiếp khách                                         | 1.572          | 1.858          | -15%        | 1.832          | 86%                    |
| 12                                                          | Thuế và các phí khác                                       | 709            | 565            | 26%         | 557            | 127%                   |
| 13                                                          | Chi phí sửa lỗi giao dịch                                  | 20             | 35             | -43%        | -              |                        |
| 14                                                          | Chi phí dự phòng phải thu khó đòi                          | 4.825          | -              |             | -              |                        |
| 15                                                          | Các chi phí khác                                           | 4.039          | 4.788          | -16%        | 2.680          | 151%                   |
| <b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>                               |                                                            | <b>166.054</b> | <b>160.163</b> | <b>4%</b>   | <b>167.817</b> | <b>99%</b>             |
| <b>TỔNG CHI PHÍ/TỔNG DOANH THU</b>                          |                                                            | <b>35%</b>     | <b>40%</b>     | <b>-13%</b> | <b>37%</b>     | <b>95%</b>             |
|                                                             | <i>Trừ: Chi phí dự phòng phải thu khó đòi</i>              | 4.825          | -              |             | -              |                        |
| <b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG SAU DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI</b> |                                                            | <b>161.229</b> | <b>160.163</b> | <b>1%</b>   | <b>167.817</b> | <b>96%</b>             |

Tổng chi phí hoạt động năm 2012 tăng 4% so với năm 2011 và đạt 99% kế hoạch năm 2012. Nếu loại trừ khoản chi phí dự phòng phải thu khó đòi với giá trị khoảng 4,8 tỷ đồng do việc ghi giảm giá trị sở hữu đối với số lượng cổ phiếu của Công ty Bảo hiểm Viễn Đông (VASS) với tỷ lệ 10:1 thì tổng các chi phí hoạt động trong năm 2012 chỉ tăng khoảng 1% so với năm 2011. Chỉ số tổng chi phí/tổng doanh thu của năm 2012 là 35% có sự cải thiện so với năm 2011 và kế hoạch 2012.

Những chi phí hoạt động chính của năm 2012 có sự biến động lớn so với năm 2011 được phân tích như sau:

## 2.1 Chi phí lương:

Chi phí lương là chi phí có tỷ trọng lớn nhất chiếm 46% trong tổng chi phí hoạt động năm 2012. Chi phí lương năm 2012 tăng 4% so với năm 2011 và bằng 92% so với kế hoạch cả năm 2012. Phân tích các thành phần của chi phí lương được thể hiện trong bảng tính sau:

Đơn vị: Triệu đồng

| Chi phí lương của các phòng ban        | Năm 2012      | Năm 2011      | % tăng giảm | Kế hoạch 2012 | % so với kế hoạch 2012 |
|----------------------------------------|---------------|---------------|-------------|---------------|------------------------|
| Lương nhân viên môi giới               | 13.818        | 14.482        | -5%         | 16.111        | 86%                    |
| Lương nhân viên các bộ phận khác       | 49.919        | 46.127        | 8%          | 54.309        | 92%                    |
| Phụ cấp hoàn thành chỉ tiêu công việc  | 12.000        | 12.000        | 0%          | 12.000        | 100%                   |
| <b>Chi phí lương toàn nhân viên</b>    | <b>75.738</b> | <b>72.609</b> | <b>4%</b>   | <b>82.420</b> | <b>92%</b>             |
| Tổng doanh thu thuần                   | 472.898       | 397.041       | 19%         | 456.031       | 104%                   |
| Tổng chi phí hoạt động                 | 166.054       | 160.163       | 4%          | 167.817       | 99%                    |
| Chi phí lương / tổng doanh thu         | 16%           | 18%           | -12%        | 18%           | 89%                    |
| Chi phí lương / tổng chi phí hoạt động | 46%           | 45%           | 1%          | 49%           | 93%                    |

Chi phí lương toàn nhân viên có mức tăng thấp hơn so với mức tăng của doanh thu thuần, do đó chỉ tiêu chi phí lương/tổng doanh thu thuần giảm so với năm 2011.

Nhân viên HSC được phân biệt ra nhân viên môi giới với đặc tính là hay biến động về số lượng và nhân viên các bộ phận còn lại tại HSC:

|                                           | Năm 2012   | Năm 2011   | % tăng / giảm |
|-------------------------------------------|------------|------------|---------------|
| <b>Số lượng nhân viên trung bình</b>      | <b>575</b> | <b>531</b> | <b>8%</b>     |
| Nhân viên môi giới:                       | 369        | 330        | 12%           |
| <i>Nhân viên chính thức</i>               | 154        | 193        | -20%          |
| <i>Nhân viên học việc</i>                 | 215        | 137        | 57%           |
| Nhân viên các bộ phận khác                | 206        | 201        | 2%            |
| <b>Lương bình quân (triệu đồng/tháng)</b> | <b>13</b>  | <b>11</b>  | <b>12%</b>    |
| Nhân viên môi giới chính thức             | 7          | 6          | 20%           |
| Nhân viên các bộ phận khác                | 20         | 19         | 6%            |

Thu nhập của nhân viên môi giới bao gồm lương căn bản (lương cứng) và hoa hồng theo doanh số. Trong năm 2012, do tình hình khó khăn chung của thị trường chứng khoán, các nhân viên môi giới chính thức không đạt được chỉ tiêu về doanh số theo chính sách chung của công ty đã phải chuyển sang hình thức nhân viên học việc không hưởng lương căn bản mà chỉ hưởng hoa hồng theo doanh số. Chính sách này dẫn đến chi phí lương căn bản của nhân viên môi giới chính thức giảm 5%.

Chi phí lương nhân viên các bộ phận khác tăng 8% qua hai năm là do ảnh hưởng bởi hai yếu tố:

- Số lượng nhân viên tăng so với năm 2011: 2%
- Mức độ điều chỉnh lương trung bình trong năm 2012: 6%



## 2.2 Chi phí tư vấn quản lý thuê ngoài

Liên quan đến các hoạt động giới thiệu khách hàng và tư vấn nghiệp vụ cho HSC. Chi phí tư vấn quản lý đã trả cho đối tác bên ngoài là 10,4 tỷ đồng tương đương với 452.000 đô la Mỹ và 10% thuế nhà thầu.

## 2.3 Chi phí thuê và cải tạo văn phòng

Đơn vị: Triệu đồng

| Chi phí thuê & cải tạo văn phòng                     | Năm 2012        | Năm 2011        | % tăng giảm | Kế hoạch 2012   | % so với kế hoạch 2012 |
|------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|-------------|-----------------|------------------------|
| <b>Chi phí thuê và cải tạo văn phòng</b>             | <b>23.508,3</b> | <b>25.782,7</b> | <b>-9%</b>  | <b>25.798,4</b> | <b>91%</b>             |
| - Chi phí thuê văn phòng                             | 20.586          | 21.585          | -5%         | 22.657          | 91%                    |
| - Chi phí cải tạo văn phòng                          | 2.923           | 4.198           | -30%        | 3.141           | 93%                    |
| Tổng doanh thu thuần                                 | 472.898         | 397.041         | 19%         | 456.031         | 104%                   |
| Tổng chi phí hoạt động                               | 166.054         | 160.163         | 4%          | 167.817         | 99%                    |
| Chi phí thuê & cải tạo VP / Tổng doanh thu thuần     | 5%              | 6%              | -23%        | 5%              | 100%                   |
| Chi phí thuê & cải tạo VPVP / Tổng chi phí hoạt động | 14%             | 16%             | -12%        | 14%             | 105%                   |

Chi phí thuê & cải tạo văn phòng trong năm 2012 giảm 9% so với năm 2011 và bằng 91% kế hoạch. Việc giảm chi phí này chủ yếu là do:

- Việc đóng cửa PGD Kim Liên vào giữa năm không nằm trong kế hoạch năm 2012 nên chi phí thuê thực tế thấp hơn so với năm 2011 và so với kế hoạch;
- Chi phí cải tạo sửa chữa văn phòng phần lớn đã được phân bổ hết trong năm 2011 và các tháng đầu năm 2012.

Chi phí thuê văn phòng năm 2012 giảm đi trong khi doanh thu thuần tăng lên nhanh hơn so với tốc độ giảm chi phí nên chỉ số về chi phí thuê/tổng chi phí và chi phí thuê/doanh thu thuần đều thấp hơn so với năm 2011.

## 2.4 Chi phí khấu hao, công cụ dụng cụ và chi phí nối mạng đường truyền, dịch vụ thông tin:

Các chi phí này liên quan chủ yếu đến các chi phí của bộ phận Công nghệ Thông tin. Các chi phí này liên quan đến việc lắp đặt bổ sung và vận hành của trung tâm dữ liệu tại Hội sở (data center), VIS, kế hoạch dự phòng nóng (resilience plan).... Phân tích về tỷ lệ chi phí này với tổng chi phí hoạt động và tổng doanh thu thuần như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

| Chi phí IT                          | Năm 2012      | Năm 2011      | % tăng giảm | Kế hoạch 2012 | % so với kế hoạch 2012 |
|-------------------------------------|---------------|---------------|-------------|---------------|------------------------|
| <b>Chi phí công nghệ thông tin</b>  | <b>24.897</b> | <b>24.479</b> | <b>2%</b>   | <b>23.541</b> | <b>106%</b>            |
| Tổng doanh thu thuần                | 472.898       | 397.041       | 19%         | 456.031       | 104%                   |
| Tổng chi phí hoạt động              | 166.054       | 160.163       | 4%          | 167.817       | 99%                    |
| Chi phí IT / Tổng doanh thu thuần   | 5%            | 6%            | -15%        | 5%            | 102%                   |
| Chi phí IT / Tổng chi phí hoạt động | 15%           | 15%           | -2%         | 14%           | 107%                   |

Chi phí công nghệ thông tin năm 2012 tăng 2% so với năm 2011 và bằng 106% so với kế hoạch. Tỷ lệ về chi phí IT/doanh thu thuần trong năm 2012 thấp hơn là do tốc độ tăng doanh thu thuần nhanh hơn tốc độ tăng chi phí công nghệ thông tin giữa 2 kỳ so sánh.

## **2.5 Chi phí dự phòng phải thu khó đòi:**

Chi phí dự phòng phải thu khó đòi với giá trị khoảng 4,8 tỷ đồng, phát sinh chủ yếu do cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông (VASS) mà HSC nhận REPO từ năm 2007. Trong năm 2012, VASS giảm vốn điều lệ từ 400 tỷ đồng xuống 40 tỷ đồng nên số cổ phiếu của VASS mà HSC đang nắm giữ (618.000 cổ phiếu) bị giảm đi tương ứng với tỷ lệ 10:1 (số dư hiện tại là 61.800 cổ phiếu). Do số cổ phiếu VASS mà HSC nắm giữ hiện đang nằm trong danh mục REPO cổ phiếu nên phải thực hiện việc ghi tăng dự phòng nợ khó đòi cho 556.000 cổ phiếu đã giảm đi.

## **2.6 Chi phí dịch vụ thuê ngoài:**

Chủ yếu bao gồm: Chi phí thuê kiểm toán độc lập, chi phí dịch vụ tư vấn quản trị rủi ro doanh nghiệp, chi phí kiểm đếm tiền của các ngân hàng tại các Phòng giao dịch, các dịch vụ tư vấn thuê ngoài, chi phí bảo vệ, vệ sinh văn phòng, chi phí in ấn...

## **2.7 Các chi phí khác:** không có sự biến động lớn so với năm 2011 và phù hợp với thực tế phát sinh tại Công ty trong năm 2012.



## II. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

Đơn vị: Triệu đồng

| TÀI SẢN                                       | 31/12/2012       | 31/12/2011       | % Thay đổi  |
|-----------------------------------------------|------------------|------------------|-------------|
| <b>A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN</b> | <b>2.585.110</b> | <b>2.356.188</b> | <b>10%</b>  |
| I. Tiền                                       | 1.794.203        | 673.986          | 166%        |
| - Tiền của HSC                                | 1.413.597        | 476.761          | 196%        |
| - Tiền ký quỹ của NĐT                         | 380.606          | 197.225          | 93%         |
| II. Đầu tư ngắn hạn                           | 152.323          | 96.376           | 58%         |
| III. Khoản phải thu                           | 634.679          | 1.580.921        | -60%        |
| Trong đó: - Repo trái phiếu                   | 75.000           | 900.639          | -92%        |
| - Giao dịch ký quỹ (margin)                   | 518.829          | 617.878          | -16%        |
| IV. Khoản phải thu khác                       | 3.905            | 4.905            | -20%        |
| <b>B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN</b>   | <b>613.826</b>   | <b>272.020</b>   | <b>126%</b> |
| II. Tài sản cố định                           | 11.911           | 15.793           | -25%        |
| II. Đầu tư dài hạn                            | 475.294          | 123.484          | 285%        |
| III. Đầu tư dài hạn khác                      | 126.620          | 132.742          | -5%         |
| <b>TỔNG TÀI SẢN</b>                           | <b>3.198.935</b> | <b>2.628.208</b> | <b>22%</b>  |
| <b>NGUỒN VỐN</b>                              |                  |                  |             |
| <b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>                         | <b>1.036.421</b> | <b>599.240</b>   | <b>73%</b>  |
| I. Nợ ngắn hạn                                | 926.421          | 387.444          | 139%        |
| II. Nợ dài hạn                                | 110.000          | 211.796          | -48%        |
| <b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                | <b>2.162.514</b> | <b>2.028.968</b> | <b>7%</b>   |
| I. Vốn chủ sở hữu                             | 2.162.514        | 2.028.968        | 7%          |
| <b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>                         | <b>3.198.935</b> | <b>2.628.208</b> | <b>22%</b>  |

Tổng tài sản HSC vào ngày 31/12/2012 được phân bổ chủ yếu dưới hình thức tiền mặt (56%), giao dịch ký quỹ phải thu (16%), tài sản cố định và đầu tư dài hạn (19%), đầu tư ngắn hạn (5%), trái phiếu REPO (2%).

### 1. Tiền:

Do thị trường chứng khoán năm 2012 có khả quan hơn so với năm 2011 nên lượng tiền ký quỹ của khách hàng cũng cao hơn cũng như nguồn tiền thu hồi từ việc đầu tư repo trái phiếu từ cuối năm 2011 đã đến hạn trong năm 2012, dẫn đến tổng lượng tiền tại HSC cao hơn 166% so với thời điểm cuối năm 2011. Tiền mặt của riêng HSC vẫn luôn được duy trì ở mức an toàn đảm bảo tính thanh khoản cho hoạt động kinh doanh hàng ngày.

### 2. Đầu tư ngắn hạn (cổ phiếu ngắn hạn):

Danh mục đầu tư còn lại với giá trị là 152 tỷ đồng (sau dự phòng) bao gồm:

- Cổ phiếu niêm yết : 71,7 tỷ đồng;
- Cổ phiếu OTC : 80,3 tỷ đồng.

Danh mục cổ phiếu OTC phần lớn được mua vào từ trước năm 2007.

### 3. Khoản phải thu:

Trong khoản phải thu có 2 khoản có tỷ trọng lớn nhất:

- Số dư của giao dịch ký quỹ (margin) là 518,8 tỷ đồng: do sự suy giảm của thị trường trong quý 4 năm 2012, số dư margin vào cuối năm 2012 giảm đi 16% so với thời điểm cuối năm 2011 và thấp hơn 38% so với số dư margin bình quân trong cả năm 2012 là 835,5 tỷ đồng;
- REPO trái phiếu là 75 tỷ đồng: số dư giảm đi 92% so với thời điểm cuối năm 2011, do lợi suất của trái phiếu không còn cao như cuối năm trước nên Ban Điều Hành đã chủ động giảm số dư REPO trái phiếu trong năm 2012 và nguồn tiền thu lại được làm nguồn tài trợ cho đầu tư dài hạn và gửi ngân hàng có lợi suất cao hơn.

### 4. Đầu tư dài hạn:

Danh mục đầu tư dài hạn gồm có:

- Danh mục trái phiếu là 372 tỷ.
- Chứng chỉ quỹ VFMVF1 là 103 tỷ.

### 5. Đầu tư dài hạn khác:

Bao gồm trong số dư này là các khoản thuê văn phòng trả trước trong đó có 110 tỷ cho việc trả trước 40 năm tiền thuê văn phòng tại AB Tower.

### 6. Nợ ngắn hạn:

Nợ ngắn hạn chủ yếu liên quan đến khoản phải trả tiền ký quỹ của nhà đầu tư là 380 tỷ đồng và 228 tỷ đồng trái phiếu nhận REPO (nghiệp vụ REPO ngược).

### 7. Nợ dài hạn

Chủ yếu là khoản 110 tỷ đồng trái phiếu do HSC phát hành cho một tổ chức nước ngoài. Khoản nợ này đã giảm từ số dư đầu năm là 210 tỷ đồng xuống 110 tỷ đồng từ giữa năm 2012.

### 8. Nguồn vốn

Nguồn vốn đạt 2,162 tỷ đồng, tăng 133 tỷ đồng so với thời điểm cuối năm 2011 chủ yếu từ lợi nhuận của năm 2012 là 246 tỷ và đã chi trả cổ tức đợt 2 năm 2011 và đợt 1 năm 2012 khoảng 110 tỷ đồng.

### 9. Tỷ lệ an toàn tài chính:

Tỷ lệ an toàn tài chính sau kiểm toán của HSC vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 746%, cao hơn 4 lần so với mức yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước là 180%.



### III. CÁC HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ KINH DOANH

#### 1. Công nghệ thông tin

HSC là công ty cung cấp các dịch vụ tài chính và đầu tư hàng đầu tại thị trường Việt Nam, được khách hàng tin tưởng bình chọn là “Công ty chứng khoán tốt nhất Việt Nam”. HSC không ngừng nghiên cứu, phát triển và đưa ra các sản phẩm, dịch vụ tốt nhất, gia tăng nhiều tiện ích hỗ trợ cho khách hàng, nhà đầu tư khi mở tài khoản thực hiện giao dịch chứng khoán tại HSC.

##### Tiền ích cho Khách hàng tổ chức:

- Hệ thống đặt lệnh được tích hợp với mạng lưới của Bloomberg và Reuters thông qua giao thức chuẩn FIX;
- Tích hợp hệ thống xác nhận và phân bổ giao dịch của Omgeo vào hệ thống Back Office;
- Dịch vụ kiểm tra số dư tại ngân hàng lưu ký với mạng lưới SWIFT.

##### Tiền ích cho Khách hàng cá nhân:

- Cung cấp đầy đủ các dịch vụ trực tuyến cho Khách hàng cá nhân trên hệ thống Vi-Trade:
  - Giao diện được thiết kế dành cho nhà đầu tư chuyên nghiệp;
  - Công nghệ bảo mật tiên tiến giúp an tâm khi giao dịch;
  - Truy cập được tất cả các dịch vụ mọi lúc mọi nơi.
- Giao dịch trên điện thoại di động: khách hàng có thể nhận được thông tin trực tiếp từ các sàn giao dịch giúp họ quyết định nhanh để tận dụng các cơ hội hay tránh được tổn thất.
- Thực hiện chuyển khoản và mở tài khoản trực tuyến nhằm tăng cường khả năng tiếp cận và thuận tiện trong giao dịch cho khách hàng.

HSC đã triển khai áp dụng tiêu chuẩn ISO 27001 vào hệ thống thông tin theo nguyên tắc C.I.A (Bảo mật, Toàn vẹn, Sẵn sàng), với mục đích đảm bảo tính bảo mật thông tin dưới sự kiểm soát và quản lý toàn diện.

Tăng cường an ninh và khả năng phục hồi của các mạng chi nhánh, tạo hạ tầng kết nối ổn định trong trường hợp mất điện hoặc sự cố hệ thống bằng cách cho phép truy cập Internet sử dụng công nghệ mạng ảo riêng (VPN), đảm bảo các chi nhánh duy trì mạng trực tuyến kể cả khi mất điện đột xuất.

Việc không ngừng nâng cấp cải tiến hệ thống đã giúp HSC đạt được tốc độ đặt lệnh cao nhất và giúp cho khách hàng giao dịch với thời gian nhanh nhất có thể.

#### 2. Hoạt động Quản trị Rủi ro

Trong năm 2012, Hội đồng quản trị và Ban điều hành HSC đã tập trung vào việc đẩy mạnh và củng cố chiến lược quản trị rủi ro. Có sáu loại rủi ro cơ bản đã được HSC xác định và đưa vào kiểm soát bao gồm: Rủi ro về quy trình vận hành, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh toán, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường và rủi ro về pháp lý.

Trong quý 3 năm 2012, HSC đã triển khai dự án Quản trị Rủi ro Doanh nghiệp - Enterprise Risk Management (ERM) nhằm chuẩn hóa hơn nữa cấu trúc hệ thống quản trị doanh nghiệp và quản trị rủi ro, cũng như xem xét các chính sách, thủ tục và quy trình nghiệp vụ hiện hành.

Dự án ERM bao gồm các hoạt động chính:

- Đánh giá tình trạng hiện tại của hệ thống quản trị rủi ro tại HSC, từ đó xác định khuôn khổ và mức độ hoàn thiện của dự án ERM;
- Xác định, đánh giá, giảm thiểu và kiểm soát/giám sát các rủi ro chính của HSC;
- Triển khai và thực hiện theo chương trình dự án ERM.



Các hoạt động trên được xác lập với mục tiêu: đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, áp dụng các phương pháp tối ưu hiện hành và tuân thủ các quy định mới nhất

HSC đặt mục tiêu đến cuối năm 2014 sẽ hoàn thiện một nền tảng quản trị rủi ro vững chắc bao gồm: cơ cấu rủi ro, thông số rủi ro, cập nhật các chính sách và thủ tục, xây dựng và hoàn chỉnh các quy trình nghiệp vụ, cơ chế giám sát và cuối cùng là hệ thống kiểm soát và báo cáo hiệu quả. Việc triển khai dự án ERM được kỳ vọng sẽ giúp HSC phát huy tối đa tiềm năng để đạt được các mục tiêu kinh doanh, đồng thời nâng cao niềm tin của các nhà đầu tư và cổ đông đối với công ty.

### 3. Hoạt động nhân sự

Tại HSC, tỷ lệ nhân sự có trình độ từ Đại học trở lên chiếm gần 90%. Tập thể HSC luôn có tinh thần cầu tiến, nâng cao chuyên môn và hoàn thiện bản thân từ lãnh đạo đến nhân viên, không ngừng bổ sung các kiến thức cần thiết cho công việc và đạt được các chứng nhận danh giá, giải thưởng lớn trong năm 2012: danh hiệu “Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam” do tạp chí Asiamoney bình chọn, giải thưởng Country Awards 2012 do tạp chí uy tín FinanceAsia tổ chức và Triple A Country Awards 2012 do tạp chí The Asset trao tặng

Năm 2012, dù thị trường chứng khoán gặp nhiều khó khăn nhưng HSC vẫn duy trì đội ngũ với 360 nhân viên chính thức và nhiều cộng tác viên gắn bó với công ty, sẵn sàng tham gia vào công ty khi thị trường phục hồi. Tỷ lệ nghỉ việc của các nhân viên công tác từ 3 năm trở lên chỉ chiếm 8%, cho thấy môi trường làm việc của HSC là điều kiện để sàng lọc, duy trì và phát triển những nhân viên có năng lực, cam kết đóng góp vào lợi ích chung của toàn công ty.

HSC không ngừng tìm kiếm những dịch vụ chuyên nghiệp nhằm mang đến cho nhân viên và người thân những tiện ích tốt nhất trong việc chăm sóc và giữ gìn sức khỏe. Bên cạnh chính sách bảo hiểm y tế theo quy định Luật lao động, từ năm 2007 HSC đã chủ động lựa chọn và áp dụng chính sách bảo hiểm sức khỏe cao cấp dành cho nhân viên và người thân với các hãng bảo hiểm uy tín đồng thời hỗ trợ tạo điều kiện để nhân viên có cơ hội kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm.

Trong năm 2012, HSC đã tổ chức nhiều hoạt động nhằm củng cố sự đoàn kết và hợp tác giữa các phòng ban: Báo cáo hoạt động hàng quý (Team Briefing), xây dựng các câu lạc bộ thể thao, nghệ thuật, sinh hoạt định kỳ hàng tuần nhằm tạo điều kiện cho mỗi nhân viên HSC rèn luyện sức khỏe, tăng cường tinh thần đoàn kết và cơ hội thể hiện khả năng, bản lĩnh, tích cực tham gia các hoạt động giao lưu thể thao ở phạm vi mở rộng với các đối tác.

HSC đã và sẽ tiếp tục xây dựng giá trị đặc biệt cho các hoạt động kinh doanh cốt lõi và thương hiệu của mình. Chúng tôi đã xây dựng được một nền tảng vững chắc mà trên đó công ty sẽ tiếp tục phát triển bền vững và có sức cạnh tranh ngay cả trong những thời kỳ khó khăn như năm 2011.

Nhân dịp này, chúng tôi muốn cảm ơn tất cả các quý cổ đông, khách hàng, đồng nghiệp và đối tác vì đã dành cho chúng tôi sự ủng hộ và sự tin tưởng mà nhờ đó HSC vững bước tiến vào giai đoạn phát triển kế tiếp trong tương lai.

Trên đây là tổng hợp báo cáo tình hình hoạt động năm 2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
**JOHAN NYVENE**



